TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:76/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 28/7/2022
V/v " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa
Bà Lê Thị Thận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng:** không tham gia phiên toà.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 88/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 112/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Hồ Lê Mỹ L, sinh năm 1997 (có mặt)
- *Bị đơn:* anh Cao Văn H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh P.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2022 quá trình thụ lý vụ án nguyên đơn chị Hồ Lê Mỹ L trình bày: chị Hồ Lê Mỹ L và anh Cao Văn H tự nguyện chung sống từ năm 2018 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh P. Chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi vã, xô sát anh H có quan hệ ngoại tình, không thể tiếp tục chung sống nên chị L và anh H đã sống ly thân từ tháng 10/2018 liên tục đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau, sống bỏ mặc nhau. Hiện nay chị L thấy không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù đăng giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 01 cháu họ tên Cao Hồ T, sinh ngày 24/8/2016; sau ly hôn chị L có nguyện vọng giao cháu T cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Cao Văn H: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã nhận các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh H không hợp tác làm việc, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh con chung; ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Lê Mỹ L và anh Cao Văn H tự nguyện chung sống từ năm 2016 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã được chị L giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Lê Mỹ L và anh Cao Văn H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị L cho rằng giữa chị L và anh H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát, mất tình cảm nên chị L và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 liên tục đến nay. Hiện nay chị L thấy không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H. Qua lời khai các nhân chứng xác định được giữa chị L và anh H có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, xô sát, sống ly thân liên tục kéo dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, có căn cứ xác định được mâu thuẫn giữa chị L và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2] Về con chung: có 01 cháu họ tên Cao Hồ T, sinh năm 2016; sau ly hôn chị L có nguyện vọng giao cháu T cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, không cấp dưỡng nuôi con. Phía anh H không hợp tác làm việc với Toà án, không nêu quan điểm ý kiến gì, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Toà án. Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy khai sinh do chị L giao nộp tại Toà án xác định được chị L và anh H có một con chung là cháu Cao Hồ T, sinh ngày 24/8/2016. Qua lời khai người làm chứng xác định được hiện nay cháu T đang chung sống cùng anh H, để cháu T tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh

hoạt nên chấp nhận ý kiến của chị L giao cháu Cao Hồ T cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng; về việc cấp dưỡng nuôi con phía anh H không có ý kiến gì nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về tài sản: nguyên đơn cho rằng không có, bị đơn không có đơn yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: theo chị L cho rằng không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hồ Lê Mỹ L được ly hôn với anh Cao Văn H.

[2] Về con chung: Giao cháu Cao Hồ T cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên; về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để xem xét. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản: không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị L nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000413, ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LƯU THÙY LINH